



# Bệnh Do Vi-rút Corona 2019 (COVID-19)

**Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm:** Trang web này được cập nhật thường xuyên. Một số nội dung có thể còn bằng tiếng Anh cho đến khi được dịch hết.

## Số ca bệnh tại Hoa Kỳ

Cập nhật ngày 16 tháng 7 năm 2020



TỔNG SỐ CA BỆNH

**3,483,832**

67,404 Số ca bệnh mới\*

TỔNG SỐ CA TỬ VONG

**136,938**

947 Số Ca Tử Vong Mới\*

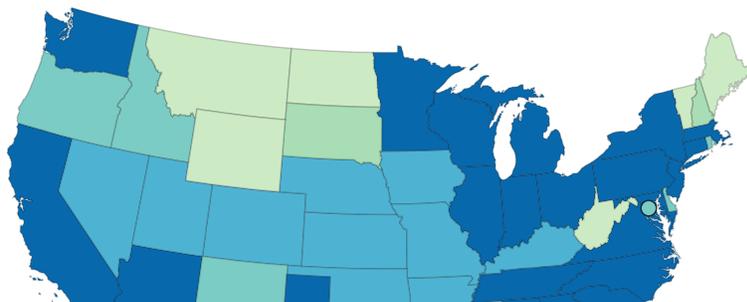


**Quý vị muốn biết thêm dữ liệu?**

Theo dõi dữ liệu COVID của CDC

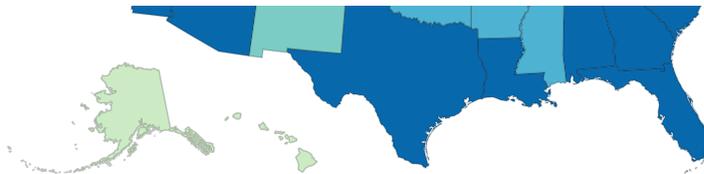
## Số ca bệnh theo khu vực phân quyền

Bản đồ này hiển thị số ca bệnh COVID-19 được báo cáo bởi các tiểu bang của Hoa Kỳ, Thủ đô Washington, Thành phố New York và các khu vực phân quyền trực thuộc Hoa Kỳ khác. Di chuột qua các bản đồ để xem số ca bệnh được báo cáo trong mỗi khu vực phân quyền. Để truy cập trang web của sở y tế của một khu vực phân quyền, nhấp vào khu vực đó trên bản đồ.



### Các Ca Bệnh Đã Được Báo Cáo

- 0 đến 1.000
- 1.001 đến 5.000
- 5.001 đến 10.000
- 10.001 đến 20.000
- 20.001 đến 40.000
- 40.001 trở lên



AS GU MH FM MP PW PR VI



### Khu vực phân quyền

Khu vực phân quyền	Số ca bệnh đã xác nhận	Số ca bệnh có thể có	Tổng Số Ca
<input type="radio"/> <a href="#">Alabama</a>	58,270	843	59,113
<input type="radio"/> <a href="#">Alaska</a>	N/A	N/A	1,631
<input type="radio"/> <a href="#">American Samoa</a>	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> <a href="#">Arizona</a>	130,576	778	131,354
<input type="radio"/> <a href="#">Arkansas</a>	N/A	N/A	30,297
<input type="radio"/> <a href="#">California</a>	N/A	N/A	347,634
<input type="radio"/> <a href="#">Colorado</a>	35,126	3,029	38,155
<input type="radio"/> <a href="#">Connecticut</a>	45,653	1,983	47,636
<input type="radio"/> <a href="#">Delaware</a>	12,131	983	13,114
<input type="radio"/> <a href="#">Washington D.C.</a>	N/A	N/A	11,026
<input type="radio"/> <a href="#">Florida</a>	N/A	N/A	297,876
<input type="radio"/> <a href="#">Georgia</a>	N/A	N/A	127,834
<input type="radio"/> <a href="#">Guam</a>	N/A	N/A	314
<input type="radio"/> <a href="#">Hawaii</a>	N/A	N/A	1,190
<input type="radio"/> <a href="#">Idaho</a>	11,637	808	12,445
<input type="radio"/> <a href="#">Illinois</a>	156,693	1,132	157,825
<input type="radio"/> <a href="#">Indiana</a>	N/A	N/A	53,370
<input type="radio"/> <a href="#">Iowa</a>	N/A	N/A	36,294
<input type="radio"/> <a href="#">Kansas</a>	20,479	454	20,933
<input type="radio"/> <a href="#">Kentucky</a>	19,737	940	20,677
<input type="radio"/> <a href="#">Louisiana</a>	N/A	N/A	84,131
<input type="radio"/> <a href="#">Maine</a>	3,207	391	3,598
<input type="radio"/> <a href="#">Marshall Islands</a>	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> <a href="#">Maryland</a>	N/A	N/A	75,664
<input type="radio"/> <a href="#">Massachusetts</a>	106,128	6,219	112,347
<input type="radio"/> <a href="#">Michigan</a>	71,197	7,716	78,913
<input type="radio"/> <a href="#">Micronesia</a>	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> <a href="#">Minnesota</a>	N/A	N/A	44,347
<input type="radio"/> <a href="#">Mississippi</a>	39,385	413	39,798
<input type="radio"/> <a href="#">Missouri</a>	N/A	N/A	29,714
<input type="radio"/> <a href="#">Montana</a>	2,218	0	2,218

<input type="radio"/> <a href="#">Nebraska</a> 	N/A	N/A	21,979
<input type="radio"/> <a href="#">Nevada</a> 	N/A	N/A	30,673
<input type="radio"/> <a href="#">New Hampshire</a> 	N/A	N/A	6,113
<input type="radio"/> <a href="#">New Jersey</a> 	N/A	N/A	176,278
<input type="radio"/> <a href="#">New Mexico</a> 	N/A	N/A	15,841
<input type="radio"/> <a href="#">New York</a> 	N/A	N/A	184,024
<input type="radio"/> <a href="#">New York City</a> 	217,230	4,622	221,852
<input type="radio"/> <a href="#">North Carolina</a> 	N/A	N/A	91,266
<input type="radio"/> <a href="#">North Dakota</a> 	N/A	N/A	4,668
<input type="radio"/> <a href="#">Northern Marianas</a> 	36	0	36
<input type="radio"/> <a href="#">Ohio</a> 	65,287	4,024	69,311
<input type="radio"/> <a href="#">Oklahoma</a> 	21,659	173	21,832
<input type="radio"/> <a href="#">Oregon</a> 	13,081	0	13,081
<input type="radio"/> <a href="#">Palau</a> 	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> <a href="#">Pennsylvania</a> 	95,632	2,814	98,446
<input type="radio"/> <a href="#">Puerto Rico</a> 	3,119	7,455	10,574
<input type="radio"/> <a href="#">Rhode Island</a> 	N/A	N/A	17,640
<input type="radio"/> <a href="#">South Carolina</a> 	62,071	174	62,245
<input type="radio"/> <a href="#">South Dakota</a> 	N/A	N/A	7,652
<input type="radio"/> <a href="#">Tennessee</a> 	68,441	620	69,061
<input type="radio"/> <a href="#">Texas</a> 	N/A	N/A	282,365
<input type="radio"/> <a href="#">Utah</a> 	31,395	269	31,664
<input type="radio"/> <a href="#">Vermont</a> 	N/A	N/A	1,318
<input type="radio"/> <a href="#">Virgin Islands</a> 	N/A	N/A	249
<input type="radio"/> <a href="#">Virginia</a> 	71,570	2,861	74,431
<input type="radio"/> <a href="#">Washington</a> 	N/A	N/A	43,046
<input type="radio"/> <a href="#">West Virginia</a> 	4,439	118	4,557
<input type="radio"/> <a href="#">Wisconsin</a> 	38,727	3,470	42,197
<input type="radio"/> <a href="#">Wyoming</a> 	1,605	380	1,985

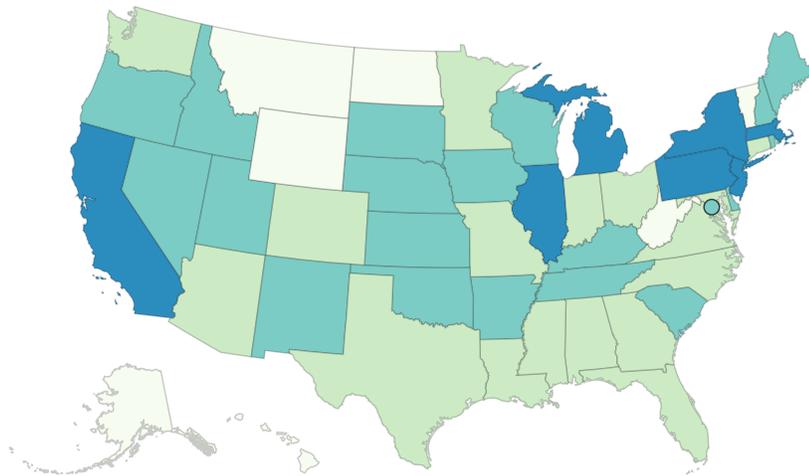
New York State's case and death counts do not include New York City's counts.

Not all jurisdictions report confirmed and probable cases and deaths to CDC. When not available to CDC, it is noted as N/A.

Thêm Bản Đồ Hoa Kỳ vào Trang Web của Quý Vị

## Số ca tử vong theo khu vực phân quyền

Bản đồ này hiển thị số ca bệnh COVID-19 được báo cáo bởi các tiểu bang của Hoa Kỳ, Thủ đô Washington, Thành phố New York và các khu vực phân quyền trực thuộc Hoa Kỳ khác. Di chuột qua các bản đồ để xem số ca tử vong được báo cáo trong mỗi khu vực phân quyền. Để truy cập trang web của sở y tế của một khu vực phân quyền, nhấp vào khu vực đó trên bản đồ.



### Số ca tử vong đã báo cáo

- 0 to 100
- 1,001 to 5,000
- 101 to 1,000
- 5.001 trở lên

AS GU MH FM MP PW PR VI



### Khu vực phân quyền

Khu vực phân quyền	Số tử vong đã xác nhận	Số tử vong có thể có	Tổng số tử vong
<input type="radio"/> <a href="#">Alabama</a>	1,183	28	1,211
<input type="radio"/> <a href="#">Alaska</a>	N/A	N/A	17
<input type="radio"/> <a href="#">American Samoa</a>	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> <a href="#">Arizona</a>	2,295	139	2,434
<input type="radio"/> <a href="#">Arkansas</a>	N/A	N/A	335
<input type="radio"/> <a href="#">California</a>	N/A	N/A	7,227
<input type="radio"/> <a href="#">Colorado</a>	1,413	331	1,744
<input type="radio"/> <a href="#">Connecticut</a>	3,505	875	4,380
<input type="radio"/> <a href="#">Delaware</a>	463	58	521
<input type="radio"/> <a href="#">Washington D.C.</a>	N/A	N/A	571
<input type="radio"/> <a href="#">Florida</a>	N/A	N/A	4,521
<input type="radio"/> <a href="#">Georgia</a>	N/A	N/A	3,091

<input type="radio"/> <a href="#">Guam</a>	N/A	N/A	5
<input type="radio"/> <a href="#">Hawaii</a>	N/A	N/A	22
<input type="radio"/> <a href="#">Idaho</a>	89	21	110
<input type="radio"/> <a href="#">Illinois</a>	7,226	201	7,427
<input type="radio"/> <a href="#">Indiana</a>	2,592	193	2,785
<input type="radio"/> <a href="#">Iowa</a>	N/A	N/A	767
<input type="radio"/> <a href="#">Kansas</a>	N/A	N/A	299
<input type="radio"/> <a href="#">Kentucky</a>	641	4	645
<input type="radio"/> <a href="#">Louisiana</a>	3,351	110	3,461
<input type="radio"/> <a href="#">Maine</a>	N/A	N/A	114
<input type="radio"/> <a href="#">Marshall Islands</a>	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> <a href="#">Maryland</a>	3,215	132	3,347
<input type="radio"/> <a href="#">Massachusetts</a>	8,152	216	8,368
<input type="radio"/> <a href="#">Michigan</a>	6,085	245	6,330
<input type="radio"/> <a href="#">Micronesia</a>	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> <a href="#">Minnesota</a>	1,526	38	1,564
<input type="radio"/> <a href="#">Mississippi</a>	1,283	25	1,308
<input type="radio"/> <a href="#">Missouri</a>	N/A	N/A	1,103
<input type="radio"/> <a href="#">Montana</a>	34	0	34
<input type="radio"/> <a href="#">Nebraska</a>	N/A	N/A	291
<input type="radio"/> <a href="#">Nevada</a>	N/A	N/A	643
<input type="radio"/> <a href="#">New Hampshire</a>	N/A	N/A	394
<input type="radio"/> <a href="#">New Jersey</a>	13,660	1,974	15,634
<input type="radio"/> <a href="#">New Mexico</a>	N/A	N/A	557
<input type="radio"/> <a href="#">New York</a>	N/A	N/A	8,762
<input type="radio"/> <a href="#">New York City</a>	18,754	4,617	23,371
<input type="radio"/> <a href="#">North Carolina</a>	N/A	N/A	1,568
<input type="radio"/> <a href="#">North Dakota</a>	N/A	N/A	89
<input type="radio"/> <a href="#">Northern Marianas</a>	2	0	2
<input type="radio"/> <a href="#">Ohio</a>	2,819	256	3,075
<input type="radio"/> <a href="#">Oklahoma</a>	430	0	430
<input type="radio"/> <a href="#">Oregon</a>	247	0	247
<input type="radio"/> <a href="#">Palau</a>	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> <a href="#">Pennsylvania</a>	N/A	N/A	6,973
<input type="radio"/> <a href="#">Puerto Rico</a>	75	97	172
<input type="radio"/> <a href="#">Rhode Island</a>	N/A	N/A	987
<input type="radio"/> <a href="#">South Carolina</a>	984	14	998
<input type="radio"/> <a href="#">South Dakota</a>	110	1	111
<input type="radio"/> <a href="#">Tennessee</a>	755	28	783

<input type="radio"/> <a href="#">Texas</a> 	N/A	N/A	3,432
<input type="radio"/> <a href="#">Utah</a> 	234	0	234
<input type="radio"/> <a href="#">Vermont</a> 	N/A	N/A	56
<input type="radio"/> <a href="#">Virgin Islands</a> 	N/A	N/A	6
<input type="radio"/> <a href="#">Virginia</a> 	1,903	104	2,007
<input type="radio"/> <a href="#">Washington</a> 	N/A	N/A	1,421
<input type="radio"/> <a href="#">West Virginia</a> 	N/A	N/A	98
<input type="radio"/> <a href="#">Wisconsin</a> 	827	7	834
<input type="radio"/> <a href="#">Wyoming</a> 	22	0	22

New York State's case and death counts do not include New York City's counts.

Not all jurisdictions report confirmed and probable cases and deaths to CDC. When not available to CDC, it is noted as N/A.

Thêm Bản Đồ Hoa Kỳ vào Trang Web của Quý Vị

## Số ca bệnh và tử vong theo quận

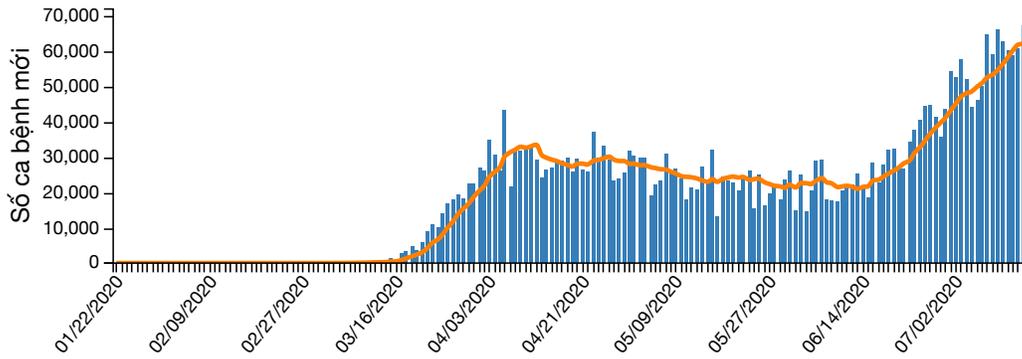
Chọn một tiểu bang để xem số ca bệnh và tử vong theo quận. Dữ liệu này được cung cấp từ [USAFacts.org](https://USAFacts.org) 

Chọn một Tiểu Bang 

Hiển Thị Dữ Liệu Quốc Gia

## Ca Bệnh Mới theo Ngày

Biểu đồ sau đây cho thấy số ca bệnh COVID-19 mới được báo cáo mỗi ngày ở Hoa Kỳ kể từ khi bắt đầu bùng phát. Di chuột qua các thanh để xem số ca bệnh mới theo ngày.



Ca Bệnh  Trung bình 7 ngày [Cài đặt lại](#)

Trung bình 7 ngày của các ca bệnh mới (ngày hiện tại + 6 ngày trước đó / 7) được tính toán để làm tròn các thay đổi dự kiến trong số đếm hàng ngày.

Xem dữ liệu -

	01/22/2020	01/23/2020	01/24/2020	01/25/2020	01/26/2020	01/27/2020	01/28/2020	01/29/2020	01/30/2020
<b>Ca Bệnh</b>	1	0	1	0	3	0	0	0	
<b>Trung bình 7 ngày</b>	0	0	0	0	0	0	0	0	

[Cuộn để xem thông tin bổ sung](#)

## Số ca bệnh và tử vong trong nhân viên chăm sóc y tế

Dữ liệu được thu thập từ 2.739.966 người, nhưng tình trạng nhân viên chăm sóc y tế chỉ có sẵn cho 580.817 (21,2%) người. Trong số 100.537 ca mắc COVID-19 trong lực lượng nhân viên chăm sóc y tế, số liệu tử vong chỉ có sẵn cho 66.698 (66,3%).

SỐ CA BỆNH TRONG LỰC LƯỢNG HCP

**100.537**

SỐ CA TỬ VONG TRONG LỰC LƯỢNG HCP

**538**

## Dữ liệu trước đây

CDC đã chuyển các thông tin sau sang trang [Dữ liệu về số ca bệnh COVID-19 trước đây ở Hoa Kỳ](#).

- Cấp độ lây truyền cộng đồng theo khu vực phân quyền - cập nhật lần cuối ngày 18 tháng 5 năm 2020
- Tổng số ca bệnh theo ngày - cập nhật lần cuối ngày 28 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh theo nguồn phơi nhiễm - cập nhật lần cuối ngày 16 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh từ Vũ Hán, Trung Quốc và du thuyền Diamond Princess - cập nhật lần cuối ngày 16 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh theo ngày bắt đầu bệnh - cập nhật lần cuối ngày 15 tháng 4 năm 2020

## Thông Tin Thêm

[COVIDView - Tóm Tắt Giám Sát Hàng Tuần về Hoạt Động Ứng Phó COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Dữ Liệu Trước Đó về Ca Bệnh COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Câu Hỏi Thường Gặp: Dữ Liệu và Giám Sát Tình Hình COVID-19](#)

[Dữ Liệu Xét Nghiệm tại Hoa Kỳ](#)

[Bản Đồ Thế Giới](#)

[Sở Y Tế](#)

Trang được xem xét lần cuối: 16 Tháng Bảy năm 2020

Nguồn nội dung: Trung Tâm Quốc Gia về Chủng Ngừa và Bệnh Hô Hấp (NCIRD), Phân Ban Bệnh Do Vi-rút